

TỔ CHỨC THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP ỨNG DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đặng Lộc Thọ, Nguyễn Thị Quỳnh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Đào tạo cử nhân ngành quản lý giáo dục (QLGD) có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng, có kiến thức đầy đủ, có kỹ năng chuyên môn thành thạo, có các kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp phù hợp là yêu cầu đòi hỏi phải được rèn luyện qua các hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tập nghề nghiệp (TTNN). Hoạt động thực tập nghề nghiệp ngành QLGD trình độ cử nhân tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, đã được quan tâm đổi mới, nhưng vẫn còn tồn tại đòi hỏi cần phải có những giải pháp khắc phục để nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành thực tập nói riêng và chất lượng đào tạo ngành QLGD. Bài viết đề cập: (i). Vai trò của thực tập nghề nghiệp trong đào tạo cử nhân đại học; (ii). Thực trạng hoạt động TTNN ngành QLGD tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; (iii). Một số giải pháp đổi mới hoạt động TTNN nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLGD, đáp ứng được yêu cầu trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: đổi mới giáo dục, quản lý giáo dục, thực tập, thực tập nghề nghiệp.

Nhận bài 10.5.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2021

Liên hệ tác giả. Nguyễn Thị Quỳnh; Email: ntquynh@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Quản lý giáo dục (QLGD) là một ngành học có chức năng tổ chức tất cả những hoạt động giáo dục, đồng thời giám sát và đánh giá những hoạt động giáo dục đó. Chức năng tổ chức giúp cho hệ thống giáo dục của nhà trường hoạt động một cách ổn định hơn. Giám sát và đánh giá các hoạt động giáo dục giúp cho nhà trường cải thiện được chất lượng của các hoạt động giáo dục. Ngành QLGD là một trong năm ngành đầu tiên được đào tạo trình độ cử nhân tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, thực hiện tuyển sinh từ năm 2016. Mục tiêu đào tạo của ngành là đào tạo cử nhân QLGD có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có thể giới quan khoa học, có kỉ luật, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; có ý thức, sức khỏe và năng lực giao tiếp xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về QLGD, hình thành và phát triển những năng lực của người cán bộ QLGD, giảng viên, nhà khoa học,

chuyên viên và nhân viên tham vấn học đường công tác trong các cơ sở giáo dục; góp phần tạo nguồn nhân lực cho việc xây dựng nền giáo dục chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước. Để thực hiện được mục tiêu này, chương trình cử nhân QLGD được xây dựng theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng nhằm hình thành và phát triển cho sinh viên (SV) hệ thống các phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực chuyên ngành) đáp ứng các yêu cầu vị trí việc làm cụ thể, trong đó công tác thực tập nghề nghiệp (TTNN) được quan tâm chú trọng để rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp trong công việc sau này.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề chung

a. Vai trò của công tác thực tập nghề nghiệp trong đào tạo trình độ đại học

TTNN là một nội dung có ý nghĩa rất quan trọng trong chương trình đào tạo tại các trường đại học, đặc biệt càng có ý nghĩa quan trọng hơn đối với các trường đại học thực hiện đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Qua thực tập, SV tiếp cận với thực tiễn đơn vị; vận dụng, củng cố kiến thức đã được đào tạo; nâng cao năng lực thực hành, tự học hỏi kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn; rèn luyện phẩm chất, tác phong và phương pháp làm việc theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo, làm cơ sở vận dụng thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo chức danh đào tạo và tự tin hơn khi đảm nhiệm các vị trí việc làm sau khi ra trường. Qua hoạt động thực tập, Nhà trường rút kinh nghiệm về tổ chức đào tạo; bổ sung, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong bối cảnh hiện nay. Cụ thể:

- TTNN là điều kiện cần thiết để SV được củng cố và hiểu được lý luận một cách sâu sắc, sáng tạo và có ý thức hơn, là cơ hội để SV thể hiện tài năng và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp; tạo điều kiện cho SV hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng lao động nghề nghiệp sáng tạo.

- Qua việc thực hiện các nội dung TTNN sẽ giúp SV có khả năng giải quyết những nhiệm vụ nghề nghiệp cụ thể, khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực hành trong công việc, đồng thời tiếp thu hệ thống lý luận một cách tích cực hơn thông qua việc tìm lời giải đáp cho những vấn đề còn đang vướng mắc. Điều này nâng cao chất lượng lĩnh hội các kiến thức nghề nghiệp, rèn luyện khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, tạo nên một thái độ “nghị vấn” tích cực đối với các kiến thức đó.

- Qua thâm nhập thực tiễn tại các cơ sở tuyển dụng, sinh viên sẽ có cách nhìn khái quát về hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp,... từ đó nảy sinh tình cảm nghề nghiệp, hình thành ý thức nghề nghiệp, xây dựng mẫu hình tương lai và đồng thời tự kiểm tra lại bản thân mình để điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp.

b. Ý nghĩa thiết thực của thực tập nghề nghiệp đối với từng sinh viên

- Nâng cao và hoàn thiện kỹ năng mềm: Kỹ năng mềm chỉ được nâng cao và hoàn thiện dần trong thực tiễn cuộc sống, trong môi trường làm việc. Thông qua các hoạt động giao

tiếp, ứng xử, thuyết trình hay làm việc nhóm trong TTNN, SV sẽ dần dần trau dồi, rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng mềm cho bản thân. Ngoài kết quả học tập, kỹ năng mềm sẽ là nhân tố quan trọng giúp SV có các cơ hội tìm việc làm, phát triển bản thân trong các công việc sau này.

- Trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế: tttn là nội dung trong chương trình đào tạo mà sv phải hoàn thành như một môn học (có số tín chỉ nhất định). Thời gian tttn chính là cơ hội để sv trực tiếp áp dụng những kiến thức được đào tạo vào môi trường làm việc thực tiễn. Một môi trường công sở sẽ rất khác khi ngồi trên ghế giảng đường thu nhận kiến thức. Dù ở vị trí là thực tập sinh, song sv sẽ phải hoàn thành công việc được giao phù hợp với năng lực và yêu cầu hoàn thành như một người lao động ở vị trí việc làm cụ thể.

- Tạo cơ hội việc làm và khả năng phát triển: thời gian tttn là cơ hội để sv được làm quen với môi trường mới, con người mới và công việc mới. Mối quan hệ được mở rộng, khi năng lực bản thân được thể hiện qua vị trí làm và có cống hiến tốt chắc chắn sẽ được đền đáp. Không ít sv được giữ lại làm việc tại cơ quan/ đơn vị/ công ty và trở thành nhân viên chính thức sau khi kết thúc thời gian tttn do đã khẳng định được kiến thức chuyên môn và năng lực nghề nghiệp.

Như vậy, thời gian tttn tuy chỉ có một vài tháng song có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì không chỉ giúp sv bổ sung kiến thức, hoàn thiện kỹ năng, phát triển năng lực mà còn mở ra cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp và cơ hội thăng tiến trong công việc sau này.

c. Những kiến thức, kỹ năng và tố chất cần có đối với sinh viên ngành QLGD

- **Về kiến thức:** Cử nhân QLGD được trang bị có hệ thống các kiến thức tổng quát của khối ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn; kiến thức cơ bản, nền tảng của khoa học giáo dục và khoa học tâm lý; kiến thức chuyên ngành của khoa học QLGD; kiến thức bổ trợ về tiếng Anh, công nghệ thông tin và hệ thống thông tin quản lý trong QLGD.

- **Về năng lực tư duy, kỹ năng thực hành:** Cử nhân QLGD được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hoá với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, cụ thể: Kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm; kỹ năng quan sát, phán đoán và giải quyết vấn đề; kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, nghiên cứu, khả năng tư duy logic, sáng tạo và ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn; kỹ năng lắng nghe và gây ảnh hưởng; kỹ năng quản lý và kỹ năng sư phạm.

- **Về phẩm chất nhân văn:** Cử nhân QLGD được đào tạo theo mục tiêu vừa hồng vừa chuyên, có tri thức vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp; có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, tự giác, linh hoạt, trung thực, chân thành; sự tôn trọng pháp luật, nội quy, kỉ luật, khách quan, công bằng; sự cảm thông, quan tâm và có ý thức trách nhiệm với người khác; sự cầu tiến, ham học, tự tin, lạc quan.

- **Về tố chất nghề nghiệp:** Cử nhân QLGD cần có tinh thần trách nhiệm đi kèm tính kỉ luật cao trong lao động; khả năng thích ứng cao đồng thời chịu được áp lực của công việc; khả năng nắm bắt cũng như điều khiển tâm lý con người; khả năng phán đoán cùng với xử lý và giám sát các hoạt động; kỹ năng giao tiếp ở mức tốt, biết lắng nghe và thấu hiểu người khác; sự chăm chỉ, kiên trì, cẩn thận và tỉ mỉ chi tiết; khả năng ngoại ngữ và tin học ở mức tốt.

2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động thực tập nghề nghiệp chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

a. Nội dung và cách thức tổ chức thực tập nghề nghiệp

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện đào tạo cử nhân QLGD từ năm 2016, đến nay đã có 01 khóa SV tốt nghiệp. Thực hiện mục tiêu và định hướng đào tạo cử nhân QLGD tại Nhà trường, kế hoạch thực tập cũng được chia là 3 giai đoạn với 3 mục tiêu và nội dung thực tập cụ thể:

Nội dung thực tập	Đối tượng thực tập	Thời gian	Hình thức thực tập	Địa điểm thực tập
Thực tập 1: Tham vấn học đường	SV năm thứ 2	4 tuần Học kì 4	Theo nhóm riêng	Trường THCS, THPT có phòng tham vấn
Thực tập 2: Quản lý trường phổ thông	SV năm thứ 3	4 tuần Học kì 6	Chia nhóm theo đoàn	Trường Tiểu học, THCS, THPT
Thực tập 3: Quản lý trường chuyên nghiệp	SV năm thứ 4	10 tuần Học kì 8	Theo nhóm riêng	Trường TCCN, CĐ, ĐH

Mục tiêu của Thực tập 1:

- Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để SV thực tập có cơ hội quan sát, tìm hiểu các hoạt động tham vấn học đường, can thiệp sớm tại cơ sở thực tập; vận dụng các kiến thức đã học trong nhà trường vào việc trợ giúp các đối tượng trong thực tiễn với vai trò là người tham vấn. Từ đó, giúp SV hiểu tính chất công việc, hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu, tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực tiễn để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Tìm hiểu và phân tích mô hình hoạt động, các đối tượng được hưởng lợi, nguồn lực hỗ trợ của đối tượng tại cơ sở thực tập, vai trò/ công việc của người tham vấn tại cơ sở thực tập (CSTT), những thuận lợi, khó khăn trong công tác trợ giúp thân chủ tại CSTT. Nâng cao hiểu biết thực tế cuộc sống, có cơ hội tận mắt thấy và cảm nhận các khía cạnh tâm sinh lý khác nhau trong đời sống, trong sinh hoạt hằng ngày của các đối tượng có nhu cầu trợ giúp tâm lý.

- Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để rèn luyện một số kỹ năng như: kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng phản hồi, kỹ năng xử lý im lặng... vào thực tiễn tham vấn cá nhân với tư cách là người thực hành tham vấn chuyên nghiệp. Xây dựng một hoặc một vài chương trình phòng ngừa theo chủ đề phù hợp đối với các đối tượng thụ hưởng tại CSTT.

- Tìm kiếm, phát hiện và xác định mối liên hệ giữa lí thuyết với thực tiễn; biết vận dụng các kiến thức về khoa học quản lí (QL), QLGD và các khoa học liên quan để phân tích và đánh giá các hoạt động tác nghiệp của chuyên viên hay trợ lí mà SV đã lựa chọn để quan sát tìm hiểu cũng như xem xét đánh giá hoạt động tham vấn cho trẻ khuyết tật.

- Trên cơ sở đó giúp SV bổ sung, hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng cơ bản về chuyên ngành được đào tạo; có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động thực tiễn, có ý thức học tập, rèn luyện để chuẩn bị kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu của thực tập 2:

- củng cố các kiến thức và kĩ năng đã học về QL hành chính văn phòng, QL hoạt động chuyên môn, QL hoạt động giáo dục tại nhà trường phổ thông.

- Liên hệ giữa kiến thức với thực tiễn công tác văn thư hành chính trong nhà trường Tiểu học, THCS, THPT với các nội dung cụ thể về: soạn thảo và ban hành các văn bản trong nhà trường, quản lí văn bản đến, văn bản đi và lưu trữ hồ sơ trong nhà trường

- Tìm hiểu về QL hoạt động chuyên môn của phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, hoạt động QL tổ chuyên môn của tổ trưởng chuyên môn và hoạt động giảng dạy của giáo viên.

- Tìm hiểu về các hoạt động QLGD được tổ chức tại các nhà trường: Giáo dục đạo đức, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kĩ năng sống,...

- Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức tiết sinh hoạt lớp theo chủ đề.

Mục tiêu của thực tập tốt nghiệp: SV mô tả được chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của nhà trường cao đẳng/đại học; mô tả được chức năng, nhiệm vụ của một phòng ban chức năng/ trung tâm/ khoa đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học; tìm hiểu hồ sơ sổ sách của một phòng ban chức năng/ trung tâm/ khoa đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học; quan sát và mô tả được một vị trí việc làm cụ thể (chuyên viên, giáo vụ khoa) trong phòng ban chức năng/ trung tâm/ khoa đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; thực hành được một số công việc tại một vị trí việc làm cụ thể (chuyên viên, giáo vụ khoa) trong phòng ban chức năng/ trung tâm/ khoa đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học.

b. Cách thức tổ chức thực tập nghề nghiệp

Để thực hiện tốt các hoạt động TTNN của SV, theo kế hoạch chung của năm học, Khoa phụ trách chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổng hợp TTNN năm học trình phòng chức năng phê duyệt, nội dung thực tập của từng lĩnh vực đã được xây dựng đầy đủ ngay từ đầu; Ban Chủ nhiệm khoa đã phân công hướng dẫn thực tập cho các giảng viên chuyên môn và chỉ đạo giảng viên sát sao trong việc hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ SV về mọi mặt trong quá trình thực tập.

Đối với thực tập 1: SV được gửi xuống các nhà trường phổ thông có phòng tham vấn học đường như: THPT Đinh Tiên Hoàng, THCS Nguyễn Trãi, THCS Đại Mỗ, THPT Cầu Giấy...; SV tiếp cận được với các đối tượng học sinh được giao nhiệm vụ tư vấn, giúp đỡ (học sinh có khó khăn trong học tập) như: nói chuyện được với học sinh, học sinh chia sẻ tâm tư, tình cảm với SV thực tập, thăm và tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, trao đổi với phụ huynh,...

Đối với thực tập 2: Trong lần thực tập này, SV QLGD được làm việc cùng với SV các chuyên ngành khác, đây là cơ hội để SV QLGD được cọ sát, học hỏi, hợp tác với các bạn SV khoa khác. Tuy nhiên, cũng có những khó khăn có thể kể đến như: SV thực tập ở 3 nội dung khá mới lạ so với các chuyên ngành khác nên lúc mới đầu cả SV còn bỡ ngỡ và GV chưa nắm chắc nội dung hướng dẫn. Việc liên hệ, phối hợp giữa Khoa đào tạo với phòng chức năng và giảng viên dẫn đoàn thực tập còn chưa được linh hoạt.

Đối với thực tập 3: SV năm cuối được tổ chức thực tập ngay tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là các phòng ban chức năng/ trung tâm/ khoa đào tạo của nhà trường như: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, Văn phòng trường, Trung tâm Phát triển nghề nghiệp, Phòng Quản lý chất lượng giáo dục, Trung tâm Khảo thí và Ngoại ngữ - Tin học,...

- Ban Giám hiệu cơ sở TTNN chỉ đạo sát sao, quan tâm tới nội dung thực tập của SV; giáo viên hướng dẫn chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm các lớp hết sức tạo điều kiện cho SV được quan sát, học hỏi, thực hành thực tập theo mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

c. Đánh giá của giáo viên và cơ sở thực tập về kiến thức, kỹ năng và năng lực của sinh viên

Nhìn chung, SV đều có ý thức trong việc chấp hành nội quy, quy chế thực hành thực tập, biết quan hệ ứng xử giao tiếp đúng mực, thực hiện tốt công tác chuyên môn, chủ động nhiệt tình tham gia các hoạt động phong trào chung của cơ sở thực tập, có nhiều SV trong quá trình thực tập được cơ sở thực tập đánh giá tốt.

- SV đã chủ động trong việc trao đổi nội dung thực tập với Ban Giám hiệu cơ sở thực hành thực tập và giáo viên hướng dẫn của từng nội dung.

- SV chủ động tìm tòi, học hỏi, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn trong quá trình thực tập, tạo được thiện cảm với học sinh trong trường.

- SV được tìm hiểu thêm các nội dung khác trong công tác quản lý nhà trường phổ thông, nhà trường đại học.

Qua trao đổi, nắm bắt tình hình từ phía SV thực tập và cơ sở thực tập cho thấy: SV đi thực tập đã nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và kế hoạch thực tập, biết vận dụng lý luận vào các vấn đề thực tiễn công tác trên cương vị, chức trách thực tập; xác định rõ nhiệm vụ thực tập, nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức trách theo chức danh thực tập được giao, chịu khó nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thực tiễn đơn vị; rèn luyện nề nếp, tác phong, phương pháp và các mối quan hệ công tác; nhiều SV đã tương đối thành thạo trong chuyên môn nghiệp vụ, tự tin, có phương pháp, tác phong công tác tốt hoàn thành tốt chức trách thực tập được đơn vị đánh giá cao. Trong quá trình thực tập, nhìn chung SV chấp hành nghiêm kỷ luật, quy định của đơn vị và quy chế thực tập; giữ vững mối đoàn kết với cán bộ của đơn vị và giữa SV thực tập; nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình tham gia các hoạt động phong trào xây dựng đơn vị.

d. Đánh giá của CBQL cơ sở sử dụng nguồn đào tạo và tự đánh giá của SV về kiến thức và kỹ năng được đào tạo

- *Đánh giá về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp*

Bảng 1. Kết quả khảo sát đánh giá về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của SV

TT	Đối tượng khảo sát	Mức độ đánh giá về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Còn hạn chế
1	CBQL tại CS sử dụng NNL	13/35 37,1%	11/35 31,4%	7/35 20%	3/35 8,6%	1/35 2,9%
2	Sinh viên (Cựu SV và SV đang học)	21/65 32,3%	10/65 35,4%	27/65 41,5%	4/65 6,2%	3/65 4,6%

Kết quả khảo sát bảng 1 cho thấy, đánh giá của CBQL và tự đánh giá của SV về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp là “rất tốt” và “tốt” chiếm tỉ lệ cao. Điều này cho thấy trong đào tạo đã chú trọng rèn luyện cho SV nhận thức về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của thực tiễn. Tuy nhiên, tỉ lệ đánh giá mức “trung bình” và “còn hạn chế” không nhỏ cho thấy, vẫn còn sự hạn chế trong nhận thức về vị trí việc làm của ngành đào tạo, đòi hỏi cần phải có sự nghiên cứu thêm về nội dung chương trình, nhu cầu thực tiễn và chính sách tuyển dụng.

Qua phỏng vấn trực tiếp, đa số CBQL đánh giá cao về tư cách đạo đức, về ý thức tự học, tự rèn luyện và tính cầu thị trong việc học hỏi đồng nghiệp của SV, nhiều SV sau quá trình làm việc có ý thức học tập vươn lên. Tuy nhiên, vẫn còn một số không nhỏ SV không chuyên tâm và còn lơ là trong công việc.

Hầu hết SV qua phỏng vấn đều tự đánh giá là đã xác định rõ CTĐT không nhằm đào tạo CBQL mà đào tạo chuyên viên phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, có một số ít còn thiếu tự tin (đa số là SV đang học) về vị trí việc làm. Điều này đòi hỏi cần làm tốt hơn việc tuyên truyền về vị trí, vai trò ngành học để có sự quan tâm của các cấp quản lý và các cơ sở tuyển dụng.

- Đánh giá về kiến thức chuyên môn

Bảng 2. Mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung kiến thức CTĐT

TT	Đối tượng khảo sát	Mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Còn hạn chế
1	Cán bộ QL CS sử dụng NNL	5/35 14,3%	6/35 17,1%	17/35 48,6%	4/35 11,4%	3/35 8,6%
2	Sinh viên (Cựu SV và SV đang học)	7/65 10,8%	10/65 15,4%	27/65 41,5%	13/65 20,1%	8/65 12,3%

Kết quả khảo sát bảng 2 cho thấy, kiến thức được trang bị trong CTĐT (gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành) về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc trong thực tiễn. Tuy nhiên, tỉ lệ đánh giá “trung bình” và “hạn chế” còn không nhỏ, đòi hỏi phải thường xuyên có sự cập nhật bổ sung kiến thức cho phù hợp với nhu cầu của thực tiễn hơn.

Qua phỏng vấn trực tiếp, một số CBQL cho rằng kiến thức trong CTĐT còn chưa đáp ứng được các vị trí việc làm đề ra, cần tăng thêm các học phần tự chọn để SV có sự định hướng tự học các nội dung kiến thức đáp ứng được vị trí việc làm mà SV sẽ lựa chọn; một số SV tự đánh giá kiến thức còn hạn chế, còn “cần phải bổ sung” và “cần đào tạo lại”.

- Đánh giá về mức độ vận dụng kỹ năng nghề nghiệp của SV trong công việc

Kết quả khảo sát bảng 3 cho thấy, mức độ vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc có sự chênh lệch giữa đánh giá của CBQL và tự đánh giá của SV không nhỏ. Điều này cho thấy, các kỹ năng được rèn luyện trong quá trình đào tạo được nhìn nhận khác nhau; đòi hỏi về mức độ “rất thành thạo”, “thành thạo” và “tương đối thành thạo” của CBQL khắt khe hơn so với mức độ mà SV tự đánh giá.

Bảng 3. Mức độ đáp ứng yêu cầu về các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc

TT	Đối tượng khảo sát	Mức độ đáp ứng yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp				
		Rất thành thạo	Thành thạo	Tương đối thành thạo	Chưa thành thạo	Không thành thạo
1	Cán bộ QL CS sử dụng NNL	4/35 11,4%	8/35 22,9%	13/35 37,2%	6/35 17,1%	4/35 11,4%
2	Sinh viên (Cựu SV và SV đang học)	10/65 15,4%	14/65 21,5%	21/65 32,3%	17/65 26,2%	3/65 4,6%

Qua phỏng vấn trực tiếp, một số SV cho rằng, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản đã được trang bị và rèn luyện tốt nên SV vận dụng được thành thạo trong công việc. Tuy nhiên, các kỹ năng chuyên sâu, đặc thù cho một số vị trí còn hơi hợt, do đó khi thực tập hoặc làm việc ở một số vị trí công việc cụ thể, SV còn gặp nhiều khó khăn. Phân tích các ý kiến đánh giá về mức độ yêu cầu kiến thức, kỹ năng của CTĐT và mức độ thể hiện của sinh viên trong quá trình thực tập cho thấy các nhà chuyên môn cần phải có sự nghiên cứu nhu cầu thực tiễn các vị trí việc làm khác nhau để có sự bổ sung các kiến thức tự chọn chuyên sâu hơn và các cách thức tổ chức đào tạo, thực tập phù hợp và hiệu quả hơn.

- Đánh giá về mức độ áp dụng các kỹ năng bổ trợ vào công việc

Bảng 4. Mức độ đáp ứng yêu cầu về các kỹ năng bổ trợ trong công việc

TT	Đối tượng khảo sát	Mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức				
		Rất thành thạo	Thành thạo	Tương đối thành thạo	Chưa thành thạo	Không thành thạo

1	Cán bộ QL CS sử dụng NNL	4/35 11,4%	8/35 22,9%	13/35 37,2%	5/35 14,3%	6/35 17,1%
2	Sinh viên (Cựu SV và SV đang học)	7/65 15,4%	11/65 21,5%	25/65 32,3%	15/65 26,2%	7/65 4,6%

Kết quả khảo sát bảng 4 cho thấy, các kỹ năng hỗ trợ trong CTĐT về cơ bản đã được rèn luyện để đáp ứng được yêu cầu công việc trong thực tiễn ở các vị trí việc làm khác nhau. Tuy nhiên, đánh giá của CBQL và tự đánh giá của SV là “chưa thành thạo” và “không thành thạo” còn chiếm tỉ lệ cao. Qua phỏng vấn trực tiếp, nhiều CBQL và SV đều nêu ý kiến cần có sự hướng dẫn cho SV về các kỹ năng cần hỗ trợ để SV tự rèn luyện trong quá trình học tập và thực tập, đặc biệt là thông qua các hoạt động tập thể được tổ chức trong quá trình đào tạo. Như vậy, kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, các kiến thức, kỹ năng cơ bản được đào tạo và rèn luyện trong quá trình đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu các vị trí việc làm của ngành QLGD; nhận thức của SV về công việc của mình được xác định rõ ràng nên SV sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu trong công việc cả về tư cách đạo đức nghề nghiệp, cũng như kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới thì cần có sự nghiên cứu, khảo sát thường xuyên để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức, kỹ năng phù hợp với các vị trí việc làm khác nhau, đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập của đất nước.

2.3. Một số giải pháp đổi mới quản lý hoạt động thực tập ngành QLGD đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực

2.3.1. Xây dựng triết lý giáo dục cho ngành QLGD làm kim chỉ nam cho quản lý hoạt động thực tập của ngành đào tạo

Triết lý tổng thể làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động đào tạo ngành QLGD là: “*Thành công từ liên kết những tiềm năng*”. Triết lý này được xây dựng dựa trên mong muốn hiện thực hóa bản chất cốt lõi của hoạt động QLGD là sự phối hợp, kết nối những nguồn lực riêng lẻ, những nỗ lực cá nhân trong hoạt động giáo dục thành một hợp lực chung để đưa tổ chức đạt được mục tiêu mong đợi về giáo dục và đào tạo. Với triết lý này, cần khai thác những nguồn lực hiện có, tìm kiếm và phát triển các nguồn lực tiềm năng cả trong và ngoài nhà trường, trong và ngoài nước; đồng thời coi trọng sự sáng tạo, để có thể tạo ra một sức mạnh tổng thể vượt trội đưa chất lượng đào tạo đạt được các thành tựu hiệu quả và bền vững.

Trên cơ sở triết lý hoạt động tổng thể đó, cần xác định triết lý đào tạo ngành học này là: “*Thành công từ khởi nghiệp đến kết nối bền vững các tiềm năng*”. Với triết lý này, toàn thể cán bộ, giáo viên cần nỗ lực hết mình, kết nối các nguồn lực hiện có và tiềm năng để giúp SV phát triển năng lực tạo ra các giá trị mới đóng góp cho cộng đồng và phát triển bản thân một cách bền vững.

Triết lý này cần được thể hiện rõ trong hệ thống chuẩn đầu ra và toàn bộ quá trình tổ chức đào tạo. Trên cơ sở đó, hoạt động thực tập cần được tổ chức một cách công phu, sáng

tạo, linh hoạt với các nội dung, hình thức phù hợp để tìm hiểu thực tiễn quản lý của các cơ sở giáo dục và các tổ chức có liên quan đến giáo dục. Nội dung thực tập không chỉ là thực hành, ứng dụng các kiến thức đã học trong trường mà cần có định hướng để khai thác, bổ sung kiến thức về quản lý, đổi mới và khởi nghiệp. Từ đó, SV có thể đánh giá thực tiễn, tìm tòi, đề xuất giải pháp đóng góp giá trị mới cho xã hội. Điều này không chỉ góp phần giải quyết hiệu quả những vấn đề của tổ chức, cộng đồng mà còn giúp SV nâng cao được nhận thức nghề nghiệp, mà còn giúp SV luôn tự học, tự rèn luyện để có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tạo dựng được sự nghiệp cá nhân với những thành công bền vững.

Xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng thêm nhiều học phần kiến thức tự chọn đáp ứng theo các vị trí việc làm và tăng hoạt động thực hành, thực tập trong quá trình đào tạo.

2.3.2. Chỉ đạo đổi mới các nội dung thực tập theo hướng rèn luyện và phát triển những tố chất cần có của ngành QLGD

Ngành QLGD có những yêu cầu nhất định trong tính cách, tư duy, lối sống mà người học cần xác định, định hướng và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về các nội dung để khi thực tập sẽ rèn luyện và phát triển tốt các tố chất đặc trưng của chuyên ngành.

- *Rèn luyện tinh thần trách nhiệm và kỷ luật trong công việc:* Với bất cứ công việc nào cũng cần chịu trách nhiệm cho nhiệm vụ được giao để không làm ảnh hưởng tới nhiệm vụ của những bộ phận khác vì đối với ngành này, nhà QLGD sẽ tham gia vào tổ chức những hoạt động giáo dục và giám sát hoạt động giáo dục. Do vậy, trọng trách này là yêu cầu, là tố chất đầu tiên với người học ngành QLGD và phải được rèn luyện trong quá trình TTNN

- *Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, chăm chỉ trong công việc:* Làm việc trong lĩnh vực QLGD cần hết sức cẩn thận, tỉ mỉ bởi kết quả làm việc sẽ gây ảnh hưởng tới nhiều cá nhân và cơ quan. Do đó, yêu cầu đặt ra trong TTNN là SV khi làm việc tại nơi thực tập phải luôn luôn tập trung và “cẩn tắc vô áy náy”; phải chú ý rèn luyện và quan sát để học tập vì hầu hết những công việc liên quan tới môi trường trường học đều cần sự cẩn thận, tỉ mỉ, chăm chỉ, từ vị trí giáo viên, Tổng phụ trách, nhân viên tâm lý học đường,... Yếu tố cẩn thận là vô cùng cần thiết phải được rèn trong thực tập đối với một người sẽ làm trong ngành QLGD vì tất cả đều cần sự chẩn chu.

- *Nâng cao khả năng ngoại ngữ và tin học về QLGD:* Hiện nay tại các cấp phổ thông và trường đại học đều yêu cầu chuẩn ngoại ngữ. Khi học bất kỳ chuyên ngành nào tại đại học đều có học ngoại ngữ và thi chứng chỉ chuẩn đầu ra như IELTS, TOEIC, aptis,... Mặt khác, trong sự hội nhập quốc tế, giáo dục cũng tiếp cận với nền giáo dục của các nước, đòi hỏi sự giao lưu và học hỏi. Vì vậy, nếu có khả năng ngoại ngữ nền tảng sẽ giúp cho SV thuận lợi trong cả việc học cũng như là công việc sau này.

Về trình độ tin học, trong quá trình học sẽ bắt buộc phải học và thi chứng chỉ khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, trong các công việc QLGD sẽ phải thực hành các kỹ năng tin học văn phòng và sử dụng các phần mềm trong QLGD nên nâng cao khả năng tin học của bản thân là một điều cần được chú trọng rèn luyện thường xuyên.

- *Rèn luyện năng lực quản lí cảm xúc trong giao tiếp ứng xử*: Làm việc ở trong môi trường giáo dục là làm việc trong môi trường có nhiều người, tiếp xúc với nhiều đối tượng với những kiểu tính cách, nội tâm, đời sống tinh thần, trải nghiệm cá nhân khác nhau cho nên việc phải trở nên khéo léo nhanh nhẹn trong việc nắm bắt, hiểu được tâm lí con người (đó là lí do trong chương trình học có môn Tâm lí học) từ đó có cách ứng xử phù hợp chuẩn mực. Khác với một số ngành nghề liên quan tới máy móc, kĩ thuật là hằng ngày không phải tiếp xúc với con người nhiều mà chỉ tiếp xúc với máy tính, công cụ, công nghệ máy móc, các ngành liên quan tới giáo dục có đặc điểm là phải giao tiếp với nhau nhiều, làm việc trên tinh thần dùng tình cảm, cảm xúc nhiều nên sẽ cần phải có khả năng theo dõi diễn biến tâm lí của người đối diện, không thể tùy tiện trong lời ăn tiếng nói. Nội tâm con người là một điều khó nghiên cứu và mang đầy mâu thuẫn, SV cần được trau dồi kĩ năng giao tiếp cũng như trải nghiệm nhiều để trở thành một người tâm lí hơn (có thể trau dồi tích lũy bằng tài liệu, sách vở tâm lí) để từ đó có thể dẫn dắt điều khiển tâm lí con người, giúp công việc diễn ra suôn sẻ thuận lợi hơn.

- *Rèn luyện khả năng lắng nghe thấu hiểu người khác*: Điều này chính là đặc điểm này liên quan với đặc điểm trên. Người làm QLGD cần phải biết lắng nghe và thấu hiểu người khác thì mới có thể nắm bắt tâm lí của họ, luôn cần phải biết lắng nghe mọi người để có cách tổ chức phù hợp hơn, làm việc hiệu quả hơn.

- *Rèn luyện khả năng phán đoán, xử lí và giám sát các hoạt động*: Như ở phần trên đã đề cập, chức năng ngành QLGD là tổ chức các hoạt động giáo dục và giám sát các hoạt động giáo dục nên người làm QLGD phải có kĩ năng phán đoán, xử lí các kế hoạch cũng như giám sát được các hoạt động do mình tổ chức để đưa ra giải pháp nếu cần thiết. Do đó, trong quá trình TTNN, SV phải tìm tòi, dự đoán các tình huống và có các phương án xử lí để khi tổ chức, thực hiện có thể nắm bắt và xử lí kịp thời.

2.3.3. Tổ chức nhiều hoạt động thực hành thường xuyên; hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm quản lí với các cơ sở sử dụng nguồn lực đào tạo

Trong các buổi học trên lớp, giảng viên cần chú trọng đưa ra các tình huống QL để SV tập vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Thông qua đó, giảng viên hướng dẫn các kĩ năng và bổ sung kiến thức cần thiết để SV có thể giải quyết vấn đề hiệu quả hơn, phù hợp với thực tiễn hơn. Cần đổi mới, đa dạng hình thức tổ chức hoạt động và cách đánh giá SV để tăng tính hấp dẫn đối với SV, tạo được sự say mê trong nghiên cứu, học tập và rèn luyện trong SV một cách tích cực, chủ động và sáng tạo.

Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu giữa các ngành đào tạo trong Khoa, giữa các khoa trong Trường thông qua các hoạt động tập thể như: Hoạt động giáo dục công dân đầu khóa, Tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, các buổi đối thoại SV với nhà trường, thông qua các hoạt động đoàn thể, xã hội,... để SV có điều kiện rèn luyện các kĩ năng bổ trợ về giao tiếp, về ứng xử, về thực tế cuộc sống; rèn luyện được tác phong nghề nghiệp, cách thức tổ chức các hoạt động, khả năng xử lí tình huống một cách có hiệu quả nhất.

Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu với đội ngũ các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực ngành

QLGD để giúp SV có cơ hội tìm hiểu để nâng cao nhận thức, hiểu biết của bản thân về yêu cầu nghề nghiệp thông qua việc đánh giá của CBQL tại các cơ sở về: Nội dung chương trình đào tạo của Trường đáp ứng như thế nào đối với yêu cầu nghề nghiệp; yêu cầu cụ thể đối với các vị trí việc làm theo nghề nghiệp đào tạo; thực trạng đội ngũ CBQL, nhân viên làm về công tác quản lý phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục hiện nay; thực trạng nhu cầu về công việc theo các vị trí việc làm của ngành QLGD... Đây chính là những hoạt động cụ thể để nâng cao nhận thức và định hướng việc rèn luyện nghiệp vụ nghề nghiệp cho SV.

Vị trí việc làm, năng lực làm việc và kết quả trong công việc của cựu SV ngành QLGD là bằng chứng quan trọng và thiết thực nhất trong định hướng nghề nghiệp của SV. Vì vậy, cần thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu trong trường và ngoài trường giữa SV đang học với cựu SV. Hoạt động này không chỉ giúp cho SV mà còn giúp cho GV tìm hiểu và nắm vững hơn những yêu cầu cụ thể về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; về việc ứng dụng, vận dụng các kiến thức, kỹ năng được học tập và rèn luyện trong chương trình đào tạo vào thực tiễn công việc mà ngành QLGD đã xây dựng.

Ngoài ra, cần chủ động phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục và hướng dẫn thực tập để các đối tượng quản lý có liên quan có sự hiểu biết về vị trí, vai trò của ngành đào tạo. Qua đó, sẽ góp phần tham gia, đóng góp vào việc xây dựng các chế độ, chính sách phù hợp để phát triển ngành QLGD.

3. KẾT LUẬN

Việc nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường nói chung và ngành QLGD nói riêng. Để giúp người học nắm vững kiến thức lý luận và được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của chuẩn đầu ra ngành QLGD cần phải đưa sinh viên tham gia và tiếp xúc với các yêu cầu từ thực tiễn thế giới nghề nghiệp để qua đó giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng một cách phù hợp và hiệu quả hơn, đồng thời mỗi sinh viên có ý thức phấn đấu hơn trong định hướng nghề nghiệp của bản thân. Công tác quản lý hoạt động thực tập QLGD đã được Nhà trường, Khoa, Tổ chuyên môn quan tâm thực hiện chặt chẽ và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định nhằm hiện thực hóa mục tiêu đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE). Trên cơ sở đánh giá khách quan thực trạng tổ chức công tác thực tập cần phân tích các nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng từ đó có định hướng phát triển và đề xuất các nội dung, hình thức thực tập phù hợp, các giải pháp thực hiện có hiệu quả hơn nữa đối với công tác thực tập của sinh viên QLGD tại Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thu Hằng (2017), *Quản lý hoạt động thực hành - thực tập của sinh viên ngành Quản lý giáo dục theo tiếp cận chuẩn đầu ra*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Đại học Vinh.
2. Bùi Hoàng Tân (2017), “Một số vấn đề về hoạt động thực tập sư phạm ở trường đại học Cần Thơ theo hệ thống tín chỉ”, *Tạp chí Giáo dục* tháng 3/2017.

3. Trần Anh Tuấn, Phạm Thị Thanh (2017), “Các loại hình tổ chức thực tập sư phạm ở Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục* tháng 3/2017.
4. Trần Thị Thơm (2015), “Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu thị trường lao động của cử nhân chính quy ngành QLGD”, *Tạp chí QLGD – Học viện QLGD*, Số 76, T9/2015, tr.44-47.
5. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (2019), *Chương trình giáo dục ngành QLGD, trình độ đại học*.

ORGANIZING INTERNSHIP ACTIVITIES FOR EDUCATION MANAGEMENT TRAINING BASED ON APPLIED CAREER ORIENTATION AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY: SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: *The training for Education Management graduates with professional ethics, strong political ideology, sense of organization and discipline, adequate knowledge, proficiency in professional skills, soft skills and appropriate communication skills required practical activities through internship activities. The internship activities in Education Management at Hanoi Metropolitan University have been renewed, but there are still issues that require assessment and measures in order to improve their effectiveness and, to a broader extent, the quality of Education Management training. The article addresses: (i) The role of internship activities in the training of Education Management; (ii) The current situation of internship activity organisation in the training of Education Management graduates at Hanoi Metropolitan University; (iii) Some measures to renovate internship activities to improve the quality the training to meet the requirements in current contexts.*

Keywords: *Educational innovation, education management, internship.*